

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1216/NQ-UBTVQH15

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng  
và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình  
đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 173/TTr-CP ngày 23 tháng 4 năm 2024, Tờ trình số 391/TTr-CP ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 2859/BC-UBKT15 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và các tài liệu liên quan,*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.**

Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Dự án) được quyết định tại Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với nội dung cụ thể như sau:

1. Diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là 1.785,93 ha, giảm 78,0 ha so với Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15. Trong đó, diện tích đất có rừng là 1.492,93 ha, tăng 438,3 ha so với Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15.

2. Diện tích đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên là 1.506,44 ha, giảm 30,8 ha so với Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15.

3. Chi tiết số liệu của khoản 1 và khoản 2 Điều này tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 2.**

1. Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, diện tích đất rừng, đất có rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên cần chuyển mục đích sử dụng thuộc phạm vi Dự án.

2. Chính phủ báo cáo Quốc hội việc triển khai thực hiện Nghị quyết này trong Báo cáo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 3.**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15.

2. Ủy ban Kinh tế, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Kiểm toán nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát, kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết này./.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Mẫn**

**Phụ lục số 01****Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng để thực hiện Dự án xây dựng công trình  
đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025***(Kèm theo Nghị quyết số 1216/NQ-UBTVQH15 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*

TT	Tỉnh	Tổng đề nghị	Rừng tự nhiên (ha)			Rừng trồng (ha)				Rừng ngoài quy hoạch (ha)	
			Tổng	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	Rừng sản xuất	Tổng	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng		Rừng sản xuất
<b>Tổng</b>		<b>1.492,93</b>	<b>70,91</b>	<b>45,74</b>		<b>25,17</b>	<b>1.185,74</b>	<b>119,88</b>	<b>4,45</b>	<b>1.061,41</b>	<b>236,28</b>
1	Hà Tĩnh	117,94	5,98	1,48		4,50	111,96	19,62		92,34	
2	Quảng Bình	659,74	24,78	18,16		6,62	468,05	73,35		394,70	166,91
3	Quảng Trị	93,61					93,61			93,61	
4	Quảng Ngãi	46,18					46,18			46,18	
5	Bình Định	250,31	26,12	26,10		0,02	175,30	15,81		159,49	48,89
6	Phú Yên	266,98					258,05	11,10	4,45	242,50	8,93
7	Khánh Hòa	58,17	14,03			14,03	32,59			32,59	11,55

**Phụ lục số 02**

**Diện tích đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên chuyển mục đích sử dụng để thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 1216/NQ-UBTVQH15 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*

TT	Tỉnh, thành phố	Diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên (ha)				
		Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Tổng diện tích đất rừng	Tổng diện tích đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên
<b>Tổng</b>		<b>147,61</b>		<b>1.638,32</b>	<b>1.785,93</b>	<b>1.506,44</b>
1	Hà Tĩnh	33,27		216,72	249,99	329,34
2	Quảng Bình	75,76		605,26	681,02	52,71
3	Quảng Trị			101,18	101,18	9,67
4	Quảng Ngãi			61,73	61,73	183,52
5	Bình Định	37,80		201,52	239,32	356,33
6	Phú Yên	0,78		269,78	270,56	145,72
7	Khánh Hòa			182,13	182,13	82,11
8	Hậu Giang					302,38
9	Kiên Giang					18,91
10	Bạc Liêu					0,00
11	Cà Mau					6,38
12	Cần Thơ					19,37